TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/DS-PT
Ngày: 07 - 8- 2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Quốc Bảo**

Ông **Huỳnh Văn Phú**

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1961.
Địa chỉ: Số G, đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Vũ Minh T; Văn phòng Luật sư Vũ Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q;
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Thôn A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Bà Nguyễn Thị B (*Tên gọi khác: O*), sinh năm 1979
Địa chỉ: Số G, đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.
+ Bà Lê Thị Thanh X, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn A, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N*guyên đơn ông Lê Văn L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của*

nguyên đơn ông Vũ Minh T trình bày:

Do có mối quan hệ gia đình nên khoảng tháng 01/2009 ông Lê Văn L có cho ông Nguyễn Văn T1 (*anh rể ông L*) mượn số tiền 120.000.000 đồng, khi mượn tiền các bên không thể hiện thời gian trả và không thỏa thuận lãi suất. Ông L khai tháng 01/2009, ông có vay nóng cho ông Tư mượn số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 04/3/2009, ông L vay Phòng G - Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện T, Quảng Nam số tiền 30.000.000 đồng; ngày 23/4/2009 ông tiếp tục vay Phòng G - Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện T, Quảng Nam số tiền 80.000.000 đồng và trong năm 2009 ông có nhờ ông Lê Văn Â, sinh năm: 1961 (trú tại: Tổ B, thôn Q, xã B huyện T, Quảng Nam) số tiền 10.000.000 đồng để trả khoản vay nóng trên. Đến ngày 28/4/2020, hai bên viết giấy mượn số tiền 120.000.000 đồng và bao gồm nội dung đã trả số tiền 233.880.000 đồng vào năm 2015. Ông L xác nhận giấy mượn tiền và tờ giấy trả số tiền 233.880.000 đồng vào năm 2015 mà ông đã cắt làm đôi đều do ông T1 viết trên cùng một tờ giấy và được viết cùng một ngày là ngày 28/4/2020. Vì thời gian mượn đã lâu, ông L yêu cầu ông T1 trả nợ nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không chịu trả dứt điểm số tiền còn lại.

Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho ông Lê Văn L số nợ gốc 120.000.000 đồng và nợ lãi hằng năm do Ngân hàng N - Phòng G - Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam quy định, được tính như sau:

Từ ngày 06/5/2009 đến ngày 06/5/2010 áp dụng lãi suất 12%/năm, số tiền lãi là 14.328.000 đồng;

Từ ngày 16/5/2011 áp dụng lãi suất 13,5%/năm, số tiền lãi là 16.433.000 đồng;

Từ ngày 16/5/2012 áp dụng lãi suất 18%/năm, số tiền lãi là 23.068.000 đồng;

Từ ngày 06/5/2013 áp dụng lãi suất 12%/năm, số tiền lãi là 14.400.000 đồng;

Từ ngày 06/5/2014 áp dụng lãi suất 12%/năm, số tiền lãi là 17.598.000 đồng.

Từ tháng 6/2022 cho đến nay Phòng G - Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện T vẫn áp dụng lãi suất 8,5%/năm.

Về mức lãi suất ông yêu cầu áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (*Không quá 20%/năm*) theo hướng dẫn tại điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Thời gian yêu cầu tính tiền gốc và tiền lãi đối với khoản tiền mượn vào ngày 28/4/2020 (*ngày viết giấy mượn tiền*) là từ tháng 01/2009 đến ngày 27/3/2023 là 238.484.292 đồng. Trong đó, tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (*ngày 27/3/2023*) là 118.484.292 đồng (*đã trừ đi số tiền lãi ông T1 trả trước đó là 189.980.000 đồng*). Ngoài ra, ông còn yêu cầu ông T1 trả tiền công làm hồ sơ đáo hạn, trả lãi Ngân hàng hằng tháng trong 10 năm từ năm 2009 đến tháng 8/2020 là 51.000.000 đồng.

Vậy ông khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông T1 trả ông tổng số tiền là 289.484.292 đồng. Trong đó, tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 118.484.292 đồng; tiền công làm hồ sơ đáo hạn, trả lãi Ngân hàng hằng tháng trong 10 năm từ năm 2009 đến tháng 8/2020 là 51.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 khai rằng: Ngày 06/5/2009, ông có nhờ vợ chồng ông L và bà B vay Ngân hàng A, huyện T, tỉnh Quảng Nam số tiền 120.000.000 đồng, có trả lãi và gốc hằng tháng. Trong 05 năm cả tiền gốc và lãi là 234.810.000 đồng, ông đã trả vào ngày 06/5/2015. Hai bên có thỏa thuận và đi đến thống nhất

ông T1 giao đủ số tiền gốc và lãi cho ông L là 233.880.000 đồng. Ông T1 xác nhận đã trả đủ cả tiền gốc và lãi là 233.880.000 đồng. Ngoài ra, ông T1 yêu cầu vợ chồng ông L trả lại chiếc xe cánh én mà vợ chồng ông L đã chiếm đoạt tài sản và bán cho ông Lê Văn H (trú tại: Tổ B, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị B khai rằng: Bà không biết khoản tiền mà chồng bà là ông L đã cho anh trai bà là ông Tư m vào tháng 01/2009.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Thanh X (vợ ông Nguyễn Văn T1) khai rằng: Trước đó bà không biết việc mượn tiền giữa ông L và ông T1. Thời điểm ông T1 mượn tiền, ông T1 vẫn chưa lập gia đình (ngày 19/01/2011 bà với ông T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông), sau này bà có nghe ông T1 kể lại. Tuy nhiên vào năm 2015, vợ chồng bà đã trả dứt điểm số tiền gốc, tiền lãi và trả tại nhà ông L, bà B.

Với nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả số tiền 289.484.292 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/4/2023, nguyên đơn ông Lê Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện với số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để thu thập, bổ sung chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo mà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Văn L kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị B và bà Lê Thị Thanh X, nhưng những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L thì thấy: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn L và ông Nguyễn Văn T1 thì thấy rằng:

Mặc dù, khi nhờ ông Lê Văn L vay Ngân hàng số tiền 120.000.000 đồng, các bên không có viết giấy (chỉ thỏa thuận miệng). Đến ngày 28/4/2020, theo yêu cầu của ông Lê Văn L, ông Nguyễn Văn T1 có viết giấy mượn tiền có nội dung: Vào tháng 01/2009 ông Nguyễn Văn T1 có nhờ ông Lê Văn L vay Ngân hàng số tiền 120.000.000 đồng. Hợp đồng nhờ ông Lê Văn L vay Ngân hàng số tiền 120.000.000 đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối. Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng vay có lãi.

Đồng thời, khi viết giấy mượn tiền 120.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Lê Văn L vào ngày 28/4/2020, ông Nguyễn Văn T1 có viết nội dung: tiền tôi đã trả tổng cộng 233.880.000 đồng trả 2015 và giấy mượn tiền và nội dung trả tiền ông Lê Văn L là người giữ bản gốc. Nội dung này chứng minh: Đến thời điểm năm 2015 ông Nguyễn Văn T1 đã trả cho ông Lê Văn L tổng số tiền cả gốc và lãi là 233.880.000 đồng.

Mặc dù, ông Lê Văn L chỉ thừa nhận tổng số tiền cả gốc và lãi là ông Nguyễn Văn T1 trả 233.880.000 đồng vào năm 2019, nhưng ông L không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2021 (BL 91) ông Lê Văn L cũng đã thừa nhận: Tờ giấy có nội dung ông T1 đã trả tổng cộng 233.880.000 đồng trả 2015 (bản gốc) (BL 93) và tờ giấy có nội dung mượn và trả tiền (bản photo) (BL 89) là do ông trực tiếp nộp cho Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2022 (BL 166) ông Lê Văn L tự khai: Số tiền 233.880.000 đồng, ông Nguyễn Văn T1 đã trả vào khoảng tháng 11/2015. Như vậy, số tiền lãi tính từ ngày 01/02/2009 (*ngày bắt đầu tính lãi*) đến ngày 30/10/2015 (*ngày ông Lê Văn L tự khai ông Nguyễn Văn T1 đã trả số tiền 233.880.000 đồng*) là 80 tháng. Với lãi suất 12%/năm là 96.000.000 đồng. Trong

đó, tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 96.000.000 đồng, tổng số tiền ông Nguyễn Văn T1 phải trả cả gốc và lãi là 216.000.000 đồng. Trong khi đó, ông Lê Văn L thừa nhận ông Nguyễn Văn T1 đã trả số tiền 233.880.000 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Văn T1 đã trả nhiều hơn so với tiền gốc, tiền lãi mà ông T1 phải trả (*233.880.000 đồng - 216.000.000 đồng*) là 17.880.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả số tiền 289.484.292 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn L không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông Lê Văn L có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được miễn vì là người cao tuổi.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được miễn vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả số tiền 289.484.292 đồng *(Hai trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng).*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn L được miễn án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi. H1 lại cho ông Lê Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.523 đồng (*Mười triệu năm trăm hai mươi ba đồng*) theo biên lai thu số 007874 ngày 07/10/2020 và số tiền 522.740 đồng (*Năm trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng)* theo biên lai thu số 007875 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Tổng cộng là 10.523.263 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Văn L được miễn án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thịnh